

Tên: _____

Ngày: _____

Sông Núi Việt Nam

I. Sông:

Trải rộng trên một địa hình phức tạp từ Bắc xuống Nam, sông ngòi Việt Nam được chia ra ba miền.

Miền Bắc có 2 hệ thống sông chính: hệ thống sông Thái Bình và hệ thống sông Hồng (còn gọi là Nhị Hà). Sông Hồng bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) mang nhiều phù sa đỏ bồi đắp thành một vùng đồng bằng phì nhiêu mang tên châu thổ sông Hồng. Phụ lưu ở hữu ngạn sông Hồng là sông Đà, còn tả ngạn là sông Lô.

Miền Trung chỉ có hai con sông lớn đáng kể là sông Mã và sông Cả; còn các sông khác đều ngắn vì núi ăn gần ra biển. Cố đô Huế có sông Hương.

Miền Nam cũng có hai hệ thống sông chính: hệ thống sông Đồng Nai và hệ thống sông Cửu Long (còn gọi là sông Mê Kông). Sông Cửu Long bắt nguồn từ Tây Tạng chảy vào miền Nam nước ta, chia thành hai nhánh là sông Tiền và sông Hậu với tất cả là chín cửa sông trước khi ra Biển Đông. Lượng nước sông Cửu Long rất lớn, sức chảy rất mạnh, do đó mang một khối lượng phù sa khổng lồ bồi đắp rất nhanh tạo thành vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu màu mỡ.

II. Núi:

Núi Việt Nam tập trung nhiều ở miền Bắc và miền Trung; Miền Bắc có dãy Hoàng Liên Sơn, ngọn Phan-Si-Păng cao khoảng 3,142 mét, là ngọn núi cao nhất nước ta. Dãy Trường Sơn trải suốt chiều dài miền Trung, đỉnh Lâm-Viên khoảng 1805 mét có thành phố nghỉ mát là Đà Lạt. Miền Nam không có nhiều núi; chỉ có núi Bà Đen ở Tây Ninh cao khoảng 900 mét là đáng kể.

Ngữ Vựng:

- Địa hình: (terrain) hình trạng mặt đất.
- Phức tạp: (complex) có cơ cấu hết sức tinh vi, chẳng chịt.
- Hệ thống: (system) một nhóm sự vật có liên quan với nhau hợp thành một thứ lớp chặt chẽ.
- Phụ lưu: (tributaries) sông con, sông nhỏ phụ thuộc vào một con sông lớn hay sông cái.
- Tả ngạn: (left bank) bờ bên trái, kể từ đầu nguồn nhìn xuống cửa sông.
- Hữu ngạn: (right bank) bờ bên phải.
- Phù sa: (alluvium) đất cát theo nước trôi tấp lại ở cửa sông hay lòng sông.
- Châu thổ: (delta) đất bồi ở sông hay bờ biển.
- Phì nhiêu: (fertile) có nhiều chất màu mỡ bổ dưỡng cho cây trồng.
- Di tích: (traces of the past time) dấu vết còn lại của một thời đã qua.
- Cổ đô: (ancient capital) kinh đô cũ.
- Hùng vĩ : (imposing, majestic) to lớn, vĩ đại.
- Màu mỡ: tốt, nhiều chất bổ cho cây cối

Văn Phạm: Cách viết những từ có vần “ăt” (tiếp theo):

Ngoài những cách viết đã học , ta còn có thể thấy cách viết những từ vần **ăt** trong tiếng Việt theo dạng từ láy cùng vần.

Thí dụ: những ô ruộng **lắt nhắt** như bàn cờ (= quá bé nhỏ, vụn vặt), nói nhiều dễ rơi vào chi tiết **lắt nhắt** (= vụn vặt không quan trọng), chuyện lặt vặt để ý làm gì (= nhỏ nhặt, tầm thường), chú bé con **loắt choắt** (= có than hình nhỏ bé nhưng trông lanh lợi), . . .

Tên: _____

Ngày: _____

Bài Tập Ở Nhà

Câu Hỏi: Em hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

1. Miền Bắc có mấy hệ thống sông chính ?

2. Sông Hồng còn có tên là sông gì?

3. Hãy kể tên các con sông lớn ở Miền Trung?

4. Sông Cửu Long còn gọi là sông gì? Bắt nguồn từ đâu?

5. Sông Cửu Long chia làm mấy nhánh khi chảy vào lãnh thổ Việt Nam? Kể tên các nhánh sông?

6. Hãy cho biết vài đặc tính của sông Cửu Long ?

7. Ngọn núi nào cao nhất Việt Nam ? Cao bao nhiêu mét ?

8. Dãy Trường Sơn nằm ở miền nào của Việt Nam ?

9. Ngọn núi nào cao nhất miền Nam ? Cao bao nhiêu ?

Tập Làm Văn: Em hãy tìm ý thêm vào những khoảng trống sau đây :

1. _____ một gã trai loắt choắt mặt như chiếc lưỡi cày.
2. Những công việc lắt nhắt đó chỉ làm _____
3. Xếp dọn những đồ đạc lắt nhắt trong nhà _____
4. _____ bằng những nghề lặt vặt ở làng.
5. Chớ thấy gã loắt choắt mà tưởng bỏ _____

Tục Ngữ

Đứng núi này trông núi nọ.

The grass looks greener on the other side of the fence.

Tên: _____

Ngày: _____

Bài Làm Ở Lớp

Tập Làm Văn: Em hãy điền những cụm từ cho sẵn sau đây để thành câu có ý nghĩa:

- | | | | |
|-------------|------------|------------|--------|
| - Ngan ngát | dè dặt | què quặt | đắt đỏ |
| - bắn bặt | ngặt nghèo | chuột nhắt | |
| - san sát | khắt khe | vắt cam | |

1. Ông ấy không đui mù _____ mà cũng đi xin ăn.
2. Ông lão rất _____ với mình nhưng lại phóng khoáng với người chung quanh.
3. Anh của em đi học xa nhà lâu rồi mà tin tức _____.
4. Giữa khoảng rừng tràm xanh _____ bị một cơn lửa thiêu cháy rụi.
5. Khi người lạ mặt đến gõ cửa em rất _____ khi ra mở cửa.
6. Những năm hạn hán ở Việt Nam nhiều nông dân lâm vào cảnh _____ không đủ ăn.
7. Em rất sợ _____ mới để đồ hỏn.
8. Khi nào em bệnh mẹ thường _____ cho em uống.

9. Ba, mẹ của bạn rất _____ không cho bạn đi chơi thường xuyên.

10. Ở Sài Gòn dân cư đông đúc nên nhà cửa _____ với nhau rất là chật hẹp.